

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử; lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-BTTTT ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 2291/QĐ-BTTTT ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 2251/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 165/TTr-STTTT ngày 08 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử; lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; danh mục 04 thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế thủ tục hành chính số 21, 22 điểm III mục A, phần I; thủ tục hành chính số 13, 14, 15, 16, 17, 18 điểm II mục A, phần I và nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính trên tại phần II; bãi bỏ thủ tục hành chính số 19, 20 điểm II mục A phần I và thủ tục hành chính số 05, 06 điểm II Mục B, phần I tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Thông tin và Truyền thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sửa đổi, bãi bỏ quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Nêu*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- CVP và các PCVP UBND tỉnh (t/d);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum;
- Lưu: VT, TTHCC.VTH.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ; LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
I	LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ					
1	Cấp Giấy chứng nhận thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh 2.001765.000.00.00.H34	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình	- Thời gian giải quyết (rút ngắn từ 15 ngày làm việc xuống 12 làm việc) - Căn cứ pháp lý
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh 1.003384.000.00.00.H34	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không		- Thời gian giải quyết (rút ngắn từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc) - Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH					

1	Cấp giấy phép hoạt động in 1.004153.000.00.00.H34	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in	- Thời gian giải quyết (rút ngắn từ 15 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc). - Mẫu đơn, sơ yếu lý lịch - Căn cứ pháp lý.
2	Cấp lại giấy phép hoạt động in 2.001744.000.00.00.H34	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không		- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in. - Căn cứ pháp lý
3	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in 2.001740.000.00.00.H34	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không		- Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in - Căn cứ pháp lý
4	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in 2.001737.000.00.00.H34	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không		- Tờ khai thay đổi đăng ký hoạt động cơ sở in - Căn cứ pháp lý
5	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm 1.003114.000.00.00.H34	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Trung tâm Phục vụ Hành chính	Không	Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Luật Cư trú ngày 13 tháng 11	- Thời gian giải quyết (rút ngắn từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm

		hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh		năm 2020; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.	việc). - Thành phần hồ sơ - Căn cứ pháp lý
6	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm 1.008201.000.00.00.H34	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không		- Thời gian giải quyết (rút ngắn từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc) - Thành phần hồ sơ - Căn cứ pháp lý

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH
THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
1	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu 2.001728.000.00.00.H34	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in
2	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu 2.001732.000.00.00.H34	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy 2.001931.000.00.00.H34	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in
2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy 2.001762.000.00.00.H34	